

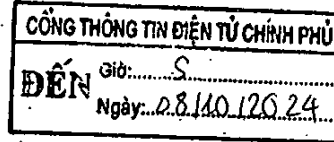
**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10657/BTC-ĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024.

V/v công khai các dự án giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn NSTW (vốn trong nước) do địa phương quản lý.



Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Để đạt được mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt trên 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao theo chỉ đạo, điều hành tại các Nghị quyết của Chính phủ và chỉ thị, công điện của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm 2024;

Bộ Tài chính thực hiện công khai danh mục công trình, dự án đầu tư công giải ngân kế hoạch năm 2024 **đến ngày 30/9/2024** nguồn vốn ngân sách trung ương (NSTW) theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước) **có tỷ lệ giải ngân dưới 30%** so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (địa phương) quản lý như sau:

1. Tổng số kế hoạch vốn năm 2024 nguồn NSTW theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước) do địa phương quản lý là 86.746,6 tỷ đồng, chiếm 90,16% tổng nguồn NSTW theo ngành, lĩnh vực do địa phương quản lý (96.203,4 tỷ đồng). Đến hết ngày 30/9/2024, ước giải ngân 39.890 tỷ đồng, đạt 45,98% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn tỷ lệ giải ngân chung của cả nước (47,29%). Tuy nhiên, theo báo cáo của KBNN (văn bản số 5624/KBNN-KSC ngày 04/10/2024), đến ngày 30/9/2024 còn **326 dự án giải ngân dưới 30%** so kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao của 56 địa phương; đặc biệt có 82 dự án chưa giải ngân và 05 dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải có tỷ lệ giải ngân dưới 30%<sup>1</sup>.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

2. Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Triển khai nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của tất cả các nguồn vốn: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn bổ sung ngoài kế hoạch theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (gần đây là các Nghị quyết: số 128/NQ-CP ngày 08/9/2024 và số 143/NQ-CP ngày 17/9/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để khẩn trương khắc phục hậu quả cơn bão số 3) và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng

<sup>1</sup> (1) DA thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thuộc dự án đường vành đai 4 – vùng Thủ đô); (2) DA thành phần 1.3: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thuộc dự án đường vành đai 4 – vùng Thủ đô); (3) Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối cao tốc Nội Bài-Lào Cai; (4) Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang; (5) Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc (Lâm Đồng).

Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024.

- Chỉ đạo chủ đầu tư, Sở, ngành và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát tất cả các dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2024, đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công; chủ động rà soát, báo cáo kịp thời phương án điều chuyển vốn giữa các dự án không có khả năng giải ngân hoặc chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, có nhu cầu bổ sung vốn; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi các Bộ có liên quan để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định trước ngày 15 tháng 11 năm 2024<sup>2</sup>.

- Riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia, đề nghị các địa phương tích cực triển khai các giải pháp đẩy mạnh giải ngân theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 19/9/2024 về Quyết định Kế hoạch triển khai Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”, văn bản số 673/TTg-CN ngày 05/09/2024 về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm để phấn đấu hoàn thành 3.000km đường bộ cao tốc vào cuối năm 2025 nhằm hưởng ứng phong trào thi đua và các thông báo, văn bản chỉ đạo có liên quan.

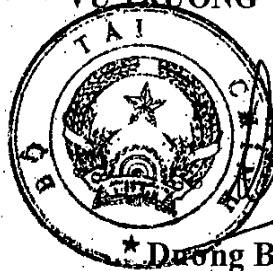
- Thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định và ngay khi có khối lượng; việc tạm ứng, mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, thực hiện./. *vt*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT;
- Công TTĐTCTP (để đăng tải);
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- KBNN;
- Cục TH và TKTC (để đăng tải lên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, ĐT (6b). *dat*

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ**



**\* Dương Bá Đức**

<sup>2</sup> Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2024 NGUỒN VỐN  
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC (VỐN TRONG NƯỚC)  
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN DƯỚI 30%**

(Kèm theo công văn số: 10651/BTC-ĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
*	<b>HÀ NỘI</b>			
1	0440.003-Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1.331.579	191.394	14%
2	0440.011-Chuẩn bị dự án đầu tư tuyến ĐSĐT số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai và hỗ trợ nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông đô thị tích hợp cho dự án đường sắt đô thị	19.166	-	0%
3	DA thành phần 1.1 (thuộc DA đường VĐ 4): Bồi thường, HT, TĐC	2.010.000	308.600	15%
4	1007.118-Xây dựng nhà máy XLNT tập trung Yên Xá Thanh Trì	983.291	222.641	23%
5	1008.153-Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	456.340	18.995	4%
*	<b>HẢI PHÒNG</b>			
1	7632416 - Dự án thành phần 1: Xây dựng công trình - Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng lân cận	507.060	35.082	7%
*	<b>TP HỒ CHÍ MINH</b>			
1	Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường kênh Tham Lương - Bến Cát rạch Nước Lên	1.500.000	345.938	23%
2	Dự án Xây dựng 02 tuyến cáp ngầm 110KV cung cấp điện cho vận hành khai thác tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM, tuyến Bến Thành - Suối Tiên	3.100	-	0%
3	Dự án tăng cường mảng xanh dọc XLHN và tuyến Metro số 1 Bến Thành Suối Tiên	3.400	-	0%
4	Xây dựng đường sắt đô thị tuyến Metro số 1 Bến Thành Suối Tiên	400.000	107.674	27%
5	Xây dựng đường sắt đô thị tuyến Metro số 2 Bến Thành - Tham Lương	350.000	62.918	18%
*	<b>ĐÀ NẴNG</b>			
1	Các tuyến đường ngang nối Quốc lộ 14B và các xã thuộc huyện Hòa Vang (7883047)	70.000	12.092	17%
*	<b>NAM ĐỊNH</b>			
1	Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê Tà Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	55.385	9.057	16%
2	Xây dựng Bệnh viện Đa liệu tỉnh Nam Định	39.997	-	0%
*	<b>HÀ NAM</b>			
1	7876549 - Cải tạo, kiên cố hóa kênh CG5, huyện Bình Lục, Hà Nam	47.946	1.783	4%
2	7919177 - ĐTXD cầu Tân Lang và tuyến đường kết nối vùng, nối từ đường nối vành đai 4-vành đai 5 qua QL 38 đến đường QL21 H Kim Bảng	545.000	101.569	19%
*	<b>HẢI DƯƠNG</b>			
1	XD đường gom đường sắt HN - HP huyện Kim Thành	45.917	7.111	15%
2	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	91.008	13.355	15%
3	ĐTXD nút giao liên thông kết nối QL17B với QL5, đường sắt HN-HP, tỉnh HD	500.000	87.133	17%
*	<b>HUNG YÊN</b>			
1	7904393 - Xây dựng đường trục ngang kết nối QL 39(KM22+550) với ĐT.376	53.055	79	0%
*	<b>THÁI BÌNH</b>			
1	7605312 - Đầu tư XDCS vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề để tạo việc làm cho người khuyết tật tại trường TC nghề cho người khuyết tật TB	15.000	3.043	20%
2	7914253 - XD khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Tb tại xã Minh Quang Huyện Vũ thư TB	15.000	234	2%
3	7905229 - XLCB tuyến đê 1 xã Bình thanh, Bình định, Hồng Tiến Huyện Kiến Xương	30.000	3.348	11%
*	<b>LONG AN</b>			
1	Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế tuyến huyện	738	21	3%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
2	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 70 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Long An	8.000	1.166	15%
3	Kè chống sạt lở bờ kênh Cầu Duyên, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa	58.667	-	0%
4	ĐT.823D (trục mở mới Tây Bắc kết nối Long An - TP.HCM)	406.000	53.521	13%
5	Nạo vét sông Vàm Cỏ Tây (đoạn từ kênh Hồng Ngự đến ấp Bình Châu)	45.773	13.136	29%
*	<b>BẾN TRE</b>			
1	7290044 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre	5.000		0%
2	7917979 - Mộ và khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (Danh nhân văn hóa được UNESCO ghi danh năm 2021)	3.000		0%
3	7946174 - Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, quan trắc tự động, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên	3.987		0%
4	7919028 - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm biển ứng dụng công nghệ cao huyện Bình Đại	10.000	1.848	18%
5	8032020 - Xây dựng cầu Ba Lai 8 trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Bến Tre	300.000	77.555	26%
6	8038386 - Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025	3.000	687	23%
7	7905013 - Đường từ ngã tư Chín Dấu đến Quốc Lộ 60, huyện Mỏ Cày Nam	22.000	4.820	22%
*	<b>ĐỒNG THÁP</b>			
1	- Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (khu vực xã Long Thuận và Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự)	100.459	501	0%
2	Đường ĐT.845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	230.000	35.937	16%
*	<b>VĨNH LONG</b>			
1	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu cù lao An Bình đến phà An Bình), xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	67.000	88	0%
2	Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long	10.700	1.597	15%
*	<b>AN GIANG</b>			
1	7852862 - Đường kênh Lòng diên A-B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	46.000	-	0%
2	7860478 - Tuyển dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở Sông Hậu xã Châu Phong (GD 1)	46.605	11.454	25%
3	7905197 - Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	50.000	4.485	9%
4	7873984 - XD tuyến đường liên kết vùng, đoạn TX Tân Châu đến TP Châu Đốc kết nối tỉnh KG và ĐT	311.000	81.152	26%
5	7913699 - Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	186.316	2.893	2%
*	<b>KIÊN GIANG</b>			
	<b>Ngành/Lĩnh vực giao thông</b>	592.250	103.758	18%
1	Đường kết nối đê bao ven biển với cầu Thứ Ba	100.000	7.250	7%
2	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	100.000	17.001	17%
3	Dự án ĐTXD công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	300.000	66.861	22%
4	120211501 - Cầu Thị trấn Thứ 11 (vượt kênh cán gáo- Tân bằng)	92.250	12.646	14%
	<b>Ngành/Lĩnh vực nông nghiệp</b>	73.150	6.436	9%
5	Xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận	73.150	6.436	9%
*	<b>CẦN THƠ</b>			
	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>	10.000	15	0%
1	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	5.000	8	0%
2	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	5.000	7	0%
	<b>Các hoạt động kinh tế</b>	365.000	63.705	17%
3	Đường vành đai phía Tây TPCT (nối QL91 đến QL61C) (Tên trước đây là Tuyến nối QL91 với đường Nam Sông Hậu (QL91C)-GD1	300.000	54.540	18%
4	Kè chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TPCT	10.000	-	0%
5	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Ba Rich), P. Thới Hòa, Q. Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	55.000	9.165	17%
*	<b>BẠC LIÊU</b>			

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
	<b>250 - Bảo vệ môi trường</b>			
1	7868280 - Kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn thị xã Giá Rai	59.000	2.161	4%
	<b>280 - Các hoạt động kinh tế</b>			
2	7795768 - Đầu tư tuyến đường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuyến đường ĐT.980. Gành Hào - Giá Rai- Phó Sinh- Cảnh Điền nối với đường HCM đoạn Phó Sinh Cảnh Điền	264.742	27.846	11%
3	7896410 - Gia cố chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông Nhà Mát TP Bạc Liêu	20.000	2.173	11%
4	7904772 - Xây dựng tuyến đường tránh chợ Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	37.000	2.919	8%
5	7935393 - Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu	30.000	3.446	11%
*	<b>CÀ MAU</b>			
1	7982640 - Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	188.938	50.087	27%
*	<b>TRÀ VINH</b>			
1	7865796 - Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần	61.700	15.996	26%
2	7888548 - Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	31.000	5.844	19%
*	<b>SÓC TRĂNG</b>			
1	7975754 - Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 45 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Sóc Trăng	59.000	11.540	20%
2	7881453 - Dự án Cải tạo, nâng cấp và thảm bê tông nhựa nóng Đường tỉnh 934 (đoạn từ giao đường tỉnh 935 với đường tỉnh 933C)	11.800		0%
3	7910173 - Xây dựng hệ thống hạ tầng chống ngập úng vùng trũng và phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.	5.830	400	7%
4	7910180 - Hệ thống các tuyến đường trung tâm thị xã Ngã Năm kết nối Quốc lộ 61B (Đường số 4, Đường N11, Đường D14), thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.	10.000	1.644	16%
5	7910182 - Đường 30/4 nối dài, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.	9.992	2.567	26%
*	<b>BẮC NINH</b>			
1	DADT các tuyến đường tỉnh ĐT295C,285B, kết nối TP BN qua khu CN với QL3. ĐT277B.... - 7954493	69.036	0	0%
2	Đường lý anh tông kéo dài (đoạn từ ĐT 295B đến đường H) - 7864469	42.064	3.577	9%
3	ĐTXD cầu kênh vàng và đường dẫn hai đầu cầu Kết nối hai tỉnh Bắc ninh và hải dương -7885574	350.000	7.704	2%
4	DA thành phần 1.3.( thuộc DA đường VD 4): Bồi thường, HT,TĐC-- 7985057	790.595	29.658	4%
*	<b>BẮC GIANG</b>			
1	7914383 - XD cầu đèo gia đi phú nhuận huyện Lục Ngạn -tỉnh BG	17.901	450	3%
2	8016650 - Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	25.000	949	4%
3	7942315 - Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	50.000	6.457	13%
4	7529908 - Bảo tồn tôn tạo và PHGTL SQGĐB những di tích khởi nghĩa yên thế	18.000	3.073	17%
5	7920164 - Đường liên xã từ QL 17(đoạn gần thị trấn Nhã Nam), đi Phúc Sơn, Huyện Tân Yên tỉnh BG	70.750	15.568	22%
*	<b>VĨNH PHÚC</b>			
1	7918388 - Hạ tầng kết nối Vùng thủ đô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Tuyến đường vành đai 5- Vùng thủ đô và đoạn tuyến đường ven chân núi Tam đảo, Kết nối giữa đường Vành đai 5 với QL 2B đến Tây Thiên, đi QL2C và Tuyến Quang	243.360	11.528	5%
*	<b>PHÚ THỌ</b>			
1	7927828 - CT, NC tuyến đường Xuân an - Trung sơn huyện Yên lập ( Kết nối Hồ Ngòi Giành )	7.875	379	5%
2	7904119 - Đường GT liên vùng kết nối đường HCM với QL 70B QL 32C tỉnh PT đi YBai	200.000	2.625	1%
3	7922545 - Đường GT kết nối từ đường tỉnh 323 đến QL2 huyện Phù Ninh Phú Thọ	20.000	2.467	12%
4	7956128 - CTNC tuyến đường nối ĐT325B kết nối đường HCM đi cầu Ngọc tháp và tuyến cứu hộ cứu nạn GDI	32.774	2.326	7%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
*	<b>NINH BÌNH</b>			
1.	7871886 - Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL 12B với QL10 đoạn qua Yên Mô- KS (ĐT 480E)	34.678	3.184	9%
2	7924652 - Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (Giai đoạn II)	298.819	40.485	14%
3	7928617 - Xây dựng tuyến đường Bái Đình (Ninh Bình - Ba Sao( Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình GD II	33.464		0%
*	<b>NGHỆ AN</b>			
	<b>Quốc phòng</b>			
1	1411.7004686 - Đường giao thông phục vụ Quốc phòng - An ninh biên giới đoạn nối từ đường Mường Xén - Ta Đò - Khe Kiền lên đường tuần tra biên giới, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	22.500	-	0%
	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			
2	1413.7986517 - Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước, kênh tưới và hạ tầng sản xuất cánh đồng lớn, liên kết sản xuất lúa giống huyện Yên Thành	30.471	7.978	26%
3	1415.7998001 - Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Rào Trường, đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Thịnh, Nghi Long và Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	13.600	3.307	24%
4	1416.7577614 - Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	6.000	1.595	27%
5	1416.7941154 - Đường vào Khu công nghiệp Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	10.000	-	0%
6	1420.7588342 - Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông Khuôn – Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.	22.819	5.425	24%
*	<b>HÀ TĨNH</b>			
	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			
1	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	145.000	2.888	2%
2	Dự án đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh	4.392	110	3%
3	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	69.553	2.223	3%
4	Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và thị xã Hồng Lĩnh	100.000	3.743	4%
5	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế huyện	86.000	22.938	27%
6	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	5.000	279	6%
7	Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	18.000	3.771	21%
8	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	35.000	6.505	19%
9	Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	15.000	3.000	20%
10	Đường từ quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa (GPMB)	4.092	311	8%
	<b>Giáo dục đào tạo và dạy nghề</b>			
11	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bằng, huyện Lộc Hà	5.000		0%
*	<b>QUẢNG BÌNH</b>			
	<b>Hoạt động kinh tế</b>			
1	7936492 - Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hai kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng nam, thị xã Ba Đồn ( Giai đoạn 1)	1.550	445	29%
2	7943663 - Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực Khu kinh tế Hòn La	2.500	-	0%
3	7952606 - nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê, đập Hới Trường, thị xã Ba Đồn thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ , đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	2.900	300	10%
4	7924158 - Hạ tầng các tuyến nối từ quốc lộ 12A phường Quảng phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (GD 1)	26.600	7.495	28%
5	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	7.200	1.650	23%
6	7913036 - Xây dựng hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc Lộ 12A	63.322	4.131	7%
7	7940084 - Sửa chữa hồ nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch thuộc Dự án SC NC các hồ, đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	2.036	206	10%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
8	7920178 - Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh (GĐ1)	51.749	2.999	6%
9	7943240 - Dự án thành phần 6: Sửa chữa, nâng cấp hồ Điều Gà và hồ Long Đại (hồ Trôm), huyện Quảng Ninh thuộc Dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	7.055	679	10%
10	Dự án thành phần 2: Đầu tư máy móc, thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06/Đề án 468 và triển khai số hoá hồ sơ, tài liệu trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ chuyển đổi số	600		0%
<b>Lĩnh vực y tế</b>				
11	7831334 - Đầu tư XD và PT hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần tỉnh QB	15.000	3.855	26%
12	8020982 - Dự án thành phần 4: Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo 06 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, Q.Bình	11.750	-	0%
13	8036434 - Dự án thành phần 2 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo 06 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế huyện, tỉnh QB.	17.100	3.520	21%
<b>* QUẢNG TRỊ</b>				
<b>Quốc phòng</b>				
1	220200011 - Doanh trại Hải đội dân quân thường trực và bến cập tàu của hải đội	23.987	223	1%
<b>An ninh và trật tự an toàn xã hội</b>				
2	220200101 - Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát PC, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các địa phương	11.169	2.625	24%
<b>Y tế, dân số và gia đình</b>				
3	7883129 - Đầu tư CSVC, mua sắm TTB y tế tuyến tỉnh HM: TT tâm thần kinh và HT thiết bị xạ trị	18.030	5.226	29%
<b>Văn hoá thông tin</b>				
4	7830821 - Thành phố 1: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn thuộc DA: Bảo tồn, tôn tạo, NC các di tích lịch sử CM CN Tỉnh Q.Tri	15.000	3.828	26%
<b>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
5	7960643 - Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài phát thanh Truyền hình QT	8.000	1.496	19%
<b>Các hoạt động kinh tế</b>				
6	7258982 - Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (Giai đoạn 1)	18.630	3.472	19%
7	7663996 - Dự án Hạ tầng cơ bản cho Phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị	13.543	2.840	21%
8	7832214 - XD CSHT thích ứng với BĐKH cho đồng bào DTTS (CRIEM) tỉnh Quảng Trị	3.457	-	0%
9	7838819 - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	2.000	-	0%
10	7906534 - Đường nối đường HCM nhánh Đông với đường HCM nhánh Tây Quảng trị	20.379	4.682	23%
11	7908464 - Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	25.740	539	2%
<b>* THỪA THIÊN HUẾ</b>				
<b>Các hoạt động kinh tế</b>				
		266.422	23.184	9%
1	Đường vành đai 3	65.086	859	1%
2	Đường nối khu phi thuế quan với khu cảng Chân Mây	48.336	4.760	10%
3	Đường Tô Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài	150.000	16.681	11%
4	Xây dựng các khu tái định cư và đường vào khu nghỉ trang xã Điền Lộc, huyện Phong Điền	3.000	883	29%
<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				
5	Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế	10.000	66	1%
<b>* BÌNH THUẬN</b>				
<b>Ngành/Lĩnh vực Quốc phòng</b>				
		1.000	-	0%
1	Xây dựng 02 hồ chứa nước ngọt và nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước huyện Phú Quý	1.000	-	0%
<b>Ngành/Lĩnh vực Nông nghiệp</b>				
		94.500	25.207	27%
2	Hệ thống kênh tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh Bình Thuận	1.000	-	0%
3	Kênh chính bắc hồ Sông Quao, huyện Hàm Thuận Bắc và Bắc Bình	1.000	-	0%
4	Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	1.000	64	6%
5	Dự án Kiên cố hóa kênh chuyển nước Sông Dinh 3-Núi Đất, huyện Hàm Tân và thị xã La Gi	1.000	102	10%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
6	Xử lý nước thải tập trung khu du lịch quốc gia Mũi Né, thành phố Phan Thiết	4.000	174	4%
7	Kè bảo vệ thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong	86.500	24.868	29%
	<b>Ngành/Lĩnh vực Giao thông</b>	<b>584.380</b>	<b>39.385</b>	<b>7%</b>
8	Đường từ trung tâm huyện Hàm Thuận Bắc đi Quốc lộ 1A	1.000	-	0%
9	Cầu Văn Thánh, thành phố Phan Thiết	55.000	8.354	15%
10	Đường từ thị trấn Tân Minh đi Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	152.000	3.209	2%
11	Trục ven biển ĐT.719B đoạn Hòn Lan – Tân Hải	203.380	27.823	14%
12	Đường tránh ĐT.719 và cầu qua sông Dinh, thị xã LaGi	53.000	-	0%
13	Đường từ trung tâm huyện Hàm Thuận Bắc đi Quốc lộ 1	120.000	-	0%
*	<b>ĐỒNG NAI</b>			
	<b>Ngành/Lĩnh vực Giao thông</b>	<b>588.000</b>	<b>86.063</b>	<b>15%</b>
1	7968276 - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BIÊN HÒA - VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 1 (DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1)	500.000	77.728	16%
2	7812823 - XÂY DỰNG KÈ SÔNG ĐỒNG NAI, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (TỪ CẦU HÓA AN ĐẾN GIÁP RANH HUYỆN VINH CỬU)	88.000	8.335	9%
*	<b>BÌNH PHƯỚC</b>			
1	7802329 - XD ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHÍA TÂY QL 13 KẾT NỐI CHƠN THÀNH	199.000	11.168	6%
2	186100003 - Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện BGM, Phước Thiện huyện Bù Đốp, Lộc an huyện LN, Lộc Thiện huyện LN đi đường tuần tra biên giới	46.800	3.434	7%
3	7910215 - Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	46.000	4.626	10%
*	<b>TÂY NINH</b>			
1	7846248 - Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tây Ninh	12.101	1.727	14%
2	7900087 - Xây dựng cửa khẩu Quốc tế Tân Nam	74.000	7.237	10%
*	<b>QUẢNG NAM</b>			
1	Ôn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện sông Bung 4	29.500	6.141	21%
2	Đường nối từ ĐT.609C đến Quốc lộ 14B, huyện Đại Lộc	117.569	33.543	29%
3	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	5.000	-	0%
4	Đường giao thông kết nối các tiểu vùng sản xuất nguyên liệu nông - lâm nghiệp với các khu, cụm công nghiệp Quế Sơn	85.000	5.757	7%
5	Kè chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại đoạn từ UBND phường Cẩm An đến khu vực An Bàng	68.200	8.443	12%
*	<b>BÌNH ĐỊNH</b>			
1	7887244 - Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	5.000	-	0%
*	<b>KHÁNH HÒA</b>			
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế huyện giai đoạn 2021-2025	1.836		0%
2	Đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	80.286	16.681	21%
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	51.000	655	1%
4	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	10.000	653	7%
5	Đường D1 (Từ Tỉnh Lộ 2- QL 27C)	20.000	742	4%
*	<b>QUẢNG NGÃI</b>			
	<b>130 - Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình</b>			
1	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	25.513	5.109	20%
	<b>220- Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			
	<b>221- Thể dục thể thao</b>			
2	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	20.000	530	3%
	<b>280- Các hoạt động kinh tế</b>			
	<b>283- Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi</b>			
3	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1- Bến Tam Thương)	100.000	2.400	2%
4	Khắc phục, chống sạt lở bờ sông Liên đoạn qua xã Ba Thành huyện Ba Tơ	14.000	62	0%



STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
5	Khắc phục, chống sạt lở bờ sông Trà Bồng đoạn qua các xã Bình Minh, Bình Chương, huyện Bình Sơn	49.000	-	0%
6	Khắc phục, chống sạt lở bờ sông Liên Chiêu đoạn qua xã Phở Thuận, TX Đức Phổ	25.000	-	0%
<b>285- Định canh, định cư và kinh tế mới</b>				
7	Sạt lở tái định cư các hộ dân điểm KDC Đak Dép thôn Làng Dầu xã Sơn Màu	48.000	14.216	30%
<b>292- Giao thông đường bộ</b>				
8	Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi	792.577	47.139	6%
9	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh gđ lib	290.000	8.079	3%
<b>312- Kiến thiết thị chính</b>				
10	Xử lý sạt lở tái định cư các hộ dân điểm Vạn Cà Vải tổ dân phố Làng Dầu thị trấn Di Lăng	14.000	3.970	28%
<b>PHÚ YÊN</b>				
<b>Y tế</b>				
1	8012952 - Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho CDC tỉnh, 09 TT Y tế huyện và 28 Trạm Y tế tỉnh Phú Yên	90.000	-	0%
<b>Giao thông</b>				
2	7884653 - Tuyến đường giao thông từ cảng Bãi gốc( khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh PY) kết nối QL1 đi khu kết Vân Phong( tỉnh Khánh Hòa)	389.000	-	0%
<b>NINH THUẬN</b>				
<b>Các hoạt động kinh tế</b>				
1	7915460 - Dự án Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III Thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	47.000	761	2%
<b>THÁI NGUYÊN</b>				
<b>Lĩnh vực y tế dân số và gia đình</b>				
1	7984088 - Đầu tư cải tạo, NC, mở rộng CSVC và mua sắm thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh TN	9.670	556	6%
2	7984774 - Xây dựng mới 03 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Thái Nguyên	500	22	4%
<b>Lĩnh vực đảm bảo xã hội</b>				
3	7977856 - Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng tâm thần kinh Thái Nguyên	8.000	1.652	21%
<b>BẮC KẠN</b>				
1	Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể	134.498	26.448	20%
2	Xây dựng tuyến đường quảng bạch bằng phúc chợ đôn	30.000	3.271	11%
3	Dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn	3.000	0	0%
4	Mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế cho 8 Trung tâm y tế huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	53.100	0	0%
5	Đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	54.491	8.641	16%
6	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh Hồ Ba Bể	97.159	24.266	25%
7	Dự án khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với khu vực sạt lở đất tại Tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới	22.200	1.298	6%
8	Bổ trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn thuộc CTMT QG Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025	11.000	2.256	21%
9	Đường Yên Cư Cao Kỳ	13.000	3.588	28%
10	Bổ trí, ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Chảo-Nà Tậu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh BK thuộc CTMTQG PT KTXH vùng ĐB DTTS và miền núi GD 2021-2025	3.442	-	0%
11	Bổ trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	9.300	765	8%
12	DA hoạt động ứng dụng CNTT: "Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT để hiện đại hóa hệ thống TT TTLĐ, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu".	2.700	-	0%
13	Bổ trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Nguộc- Phiêng Cầm và thôn khu Lôm, xã Cao Kỳ huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn	4.585	1.007	22%
14	Dự án hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	480	-	0%
15	Dự án hỗ trợ đầu tư bảo tồn Làng, Bản, văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	960	-	0%
16	Xây dựng rãnh thoát nước Tân Thành - Khuổi Chang	201	-	0%
17	Xây dựng đường liên thôn Nà Bàn - Nà Chuông, xã Nông Thượng	260	-	0%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
18	xây dựng đường nội thôn Khuổi Chang (tuyến từ nhà ông Năm đến nhà ông báo)	201	-	0%
19	Xây dựng đường nội thôn Nà Quảng - Nà Kéo, thôn Nà Chuông, xã Nông Thượng	373	-	0%
20	Đường GINT thôn Bàn Giếng xã Dương Quang	212	-	0%
*	<b>CAO BẰNG</b>			
21	Đường GT đôn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534	35.030	5.367	15%
22	Xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh CB	28.171	2.786	10%
23	NC, CT đường Nà Pồng - Đức Hạnh (cầu qua sông gâm) huyện B.lâm tỉnh CB	43.000	700	2%
24	Đầu tư XD tuyến đường cao tốc Đông Đăng (T. Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (T. Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	674.117	20.977	3%
25	Cầu Bản Đe (sông gâm) và đường kết nối QL34 xã Q.Lâm xã Thạch Lâm huyện B.Lâm	2.429	629	26%
26	CT, NC đường GT Chu Trinh TP-Hồng Nam Hòa An tỉnh Cao Bằng	51.274	5.139	10%
27	CT,NC đường từ thị trấn Xuân Hòa -TT Thông Nông huyện Hà Quảng tỉnh CB	52.000	10.845	21%
28	Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	63.004	18.659	30%
29	Cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao tỉnh Cao Bằng	29.500	3.267	11%
30	7916691 - Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021 -2025	20.996	5.274	25%
31	Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	51.000	930	2%
32	Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng	25.000	-	0%
33	Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	40.529	11.878	29%
34	Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	11.700	-	0%
*	<b>TUYÊN QUANG</b>			
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	150.000	23.891	16%
2	ĐA xây dựng bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	26.000	6.621	25%
3	XD cầu Xuân Vân vượt sông Gâm, huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang	20.000	3.904	20%
4	Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số công trình phục vụ cho huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	24.000	-	0%
5	Tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	200.000	8.809	4%
6	Dự án đầu tư XD đường cao tốc Tuyên Quang- Phú Thọ kết nối cao tốc Nội Bài-Lào Cai	150.000	5.640	4%
7	Cao tốc Tuyên Quang- Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	650.000	5.237	1%
*	<b>HÀ GIANG</b>			
	<b>Ngành lĩnh vực thông tin</b>	25.000	78	0%
1	Xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Hà Giang	25.000	78	0%
	<b>Ngành, lĩnh vực công nghiệp</b>	58.678	10.222	17%
2	Dự án: Ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Hà Giang	44.554	7.078	16%
3	Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	14.124	3.144	22%
	<b>Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi</b>	31.186	2.608	8%
4	Cụm hồ CNSH 04 huyện vùng cao phía Bắc	31.186	2.608	8%
	<b>Ngành, lĩnh vực giao thông</b>	362.139	83.255	23%
5	Đường nội thị, thị trấn Vị Xuyên (GD 1, đoạn phía sau UBND huyện Vị Xuyên), huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.	36.657	8.000	22%
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178) GD I từ Km0-Km27 và xây dựng cầu Bản Ngõ tại Km60+600	244.832	66.679	27%
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL.2, xã Tân Quang đi UBND xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	58.622	3.980	7%
8	Cải tạo, sửa chữa đường huyện (ĐH.02; ĐH.03; ĐH.04; ĐH.05) trên địa bàn các xã Phú Lũng, Thắng Mỏ, Sùng Chàng, Sùng Thái huyện Yên Minh	22.028	4.596	21%
*	<b>YÊN BÁI</b>			
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>			
1	Cầu Giới Phiên TP Yên Bái	54.683	3.035	6%
2	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	110.342	31.223	28%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
3	Đường nối quốc lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	80.340	22.751	28%
4	Đường nối QL 32 với CT Nội Bài-Lào Cai (IC 15)	26.606	1.302	5%
5	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	244.000	21.428	9%
	<b>Thủy lợi và dịch vụ Thủy lợi</b>	23.407	3.260	14%
6	Kè chống sạt lở và phát triển CSHT hai bên bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái	23.407	3.260	14%
	<b>CT PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI</b>	138.000	6.516	5%
7	Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 07 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Yên Bái	102.900	3.260	3%
8	ĐA nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang TB cho TT kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Yên Bái,	35.100	3.256	9%
*	<b>LÀO CAI</b>			
1	7906349 - Xây mới bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	31.000	2.082	7%
2	7933667 - Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát	20.900	1.407	7%
3	7598905 - Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa, tỉnh Lào Cai	107.197	20.502	19%
4	7820601 - Đường Tả cù tỷ bắc hà đi UBND xã bản ngõ	2.000	269	13%
5	7865789 - Xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Làng giàng đến QL70	88.599	11.481	13%
6	7907340 - ĐA thành phần 2: Nâng cấp tỉnh lộ 156(Kim Thành- Ngòi Phát) Đoạn từ cầu Quang Kim-BV32 và BV28	122.000	2.038	2%
7	7908200 - Dự án TP 1: Xây dựng Cầu biên giới qua Sông Hồng; Nâng cấp TL 156 đoạn Kim Thành. - Ngòi Phát từ nút giao với đường BV32 và BV28 đến giao với đường BV19	123.000	28.786	23%
8	7921813 - Cải tạo nâng cấp tuyến đường bán Xèo Dền Sáng Ý Tỷ Bát Xát	35.000	93	0%
9	7980861 - Đầu tư xây dựng phân khu du lịch Y Tỷ (huyện Bát Xát), thuộc khu du lịch Sa Pa	16.000	1.434	9%
10	Xây dựng Cảng Hàng Không Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo hình thức đối tác công tư (PPP)	49.173	-	0%
11	Trường cao Đẳng Sư phạm	11.061	-	0%
12	Nhà thi đấu đa năng(Khu đô thị mới)	11.301	-	0%
13	Đường D2 (đoạn từ cầu chui - đến cầu cung ứng)	4.842	-	0%
14	Đường B6 ( từ B7 đến B10)	300	-	0%
*	<b>HÒA BÌNH</b>			
1	7916719 - Đường Xã Cao Dương - Thanh Sơn, huyện Lương Sơn	13.500	2.729	20%
2	7917243 - Nâng cấp tuyến đường liên xã Vầy Nưa - Tiên Phong, huyện Đà Bắc	100.000	23.553	24%
3	7969027 - Dự án đầu tư nâng cấp cấp cơ sở hạ tầng, ổn định dân cư cho nhân dân các xã, phường vùng hồ Sông Đà, thành phố Hòa Bình	20.000	4.030	20%
4	8003362- Cao tốc Hoà Bình-Mộc Châu (đoạn từ Km19+000- Km53+000 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình	132.000	-	0%
*	<b>ĐIÊN BIÊN</b>			
1	Đường ra biên giới Mường Nhà - Pha Lay - Mốc 130 kết hợp Kè bảo vệ chân Mốc 130, huyện Điện Biên	27.500	4.163	15%
2	Xây nhà phục vụ các khoa chuyên môn và TTB của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	13.000	3.170	24%
3	Bảo tàng tỉnh Điện Biên	500	-	0%
4	Bảo tồn tôn tạo khu trung tâm đề kháng Him Lam	1.000	-	0%
5	Khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc, GPMB, cấp giấy chứng nhận quyền SDD các điểm di tích thuộc di tích chiến trường Điện Biên	100	-	0%
6	Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh truyền hình	77.542	1.878	2%
7	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	3.460	886	26%
8	Hồ Huổi Trang Tái, huyện Điện Biên	34.852	6.721	19%
9	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	17.313	3.207	19%
10	Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	335.000	73.410	22%

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
11	Nâng cấp đường Đông Điện Biên (ĐT.147), huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	40.000	9.712	24%
12	Cải tạo, nâng cấp ĐT.143 Noong Bua - Pú Nhi - Noong U - Na Son (Đoạn Nà Nghè - Pú Nhi - Noong U - Na Son)	45.000	6.809	15%
13	Đường Phình Sáng - Mường Giàng (Quỳnh Nhai), huyện Tuần Giáo	43.000	12.218	28%
14	Nâng cấp đường dân sinh.Hồng Sọt - Pá Sáng, huyện Mường Ảng	10.000	1.923	19%
15	Đường liên huyện Hua Ná - Pá Liếng (xã Ảng Cang, H. Mường Ảng) đi Long Khẩu Cẩm (xã Mường Phăng, H. Điện Biên).	36.000	1.155	3%
16	Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	7.864	-	0%
17	Dự án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên	310.437	90.195	29%
18	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình "Bình sáng Điện Biên")	500.000	-	0%
*	<b>LÂM ĐỒNG</b>			
1	Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai-Bảo Lộc- Lâm Đồng	800.000	-	0%
2	Xây dựng đường nội thị thị trấn Đạ Terh (Giai đoạn 3)	60.364	301	0%
3	Xây dựng Đường vành đai Đinh Văn- Đạ Đờn- huyện Lâm Hà	100.000	1.680	2%
4	Đường từ trung tâm huyện đi quốc lộ 27	10.895	381	3%
5	NC đường liên xã Đinh Trang Hòa đi Tân Lâm và đường vành đai phía Đông TT Di Linh huyện Di Linh	50.000	11.335	23%
*	<b>GIA LAI</b>			
1	7973627 - Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	20.000	5.055	25%
2	7906970 - Đường Nguyễn Văn Linh (Trường Chinh-Lê Thánh Tôn)	131.550	10.632	8%
3	7928967 - Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu QT Lê Thanh Đức Cơ	20.000	2.197	11%
4	7894841 - Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng (Sở NN)	19.000	8	0%
5	7925004 - Đầu tư phát triển rừng bền vững vườn QG Kon Ka Kinh và NC năng lực PCCR	20.000	4.996	25%
6	8045331 - Phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thượng Đạo)	3.177	86	3%
7	7891928 - Hồ chứa nước Iaprat xã Iakhuoi - huyện Chư Păh	20.000		0%
8	7952511 - Đường liên xã huyện Kbang	20.000	3.332	17%
*	<b>ĐẮC LẮC</b>			
1	Đường giao thông từ ngã ba Quảng đại xã EaRôk đi QL14C EaSup - 7900391	13.000	3.000	23%
2	Hệ thống kênh và công trình trên kênh có F tưới <150ha (ĐB tỉnh Đắc Lắc) - 7900394	6.000	424	7%
3	Hệ thống trạm bơm và CTTL Dur Kmăl, xã Dur Kmăl Huyện Krông Bông - 7900396	8.000		0%
4	Đường giao thông từ Ea Hồ đi tam giang huyện Krông Năng - 7900638	4.000		0%
5	Bệnh viện đa khoa Thị xã Buôn Hồ - 7901431	9.000		0%
*	<b>KON TUM</b>			
1	7987109 - Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 03 Bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum	17.000	1.984	12%
2	7892098 - Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cẩm, TP Kon Tum	110.595	3.173	3%
3	7898003 - Đường GT từ xã Đak ne, huyện Kon Kon Rẫy đi huyện Kbang tỉnh G	58.613	530	1%
4	7902731 - Đường từ Trung tâm thị trấn Đăk Glei đến Trung tâm xã Xốp, huyện Đăk Glei	50.000	3.828	8%
5	7906860 - Xây dựng cầu và đường 2 đầu cầu từ bến DL xã Ia Chim TP KTum(TL671) đến đường GT kết nối TL675 xã Ya Iy Sa Thủy	47.095	795	2%
6	7907249 - Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao với đường Hồ Chí Minh)	50.000		0%
7	7909745 - Đầu tư XD cải tạo, nâng cấp TL 676 nối huyện Kon Plong tỉnh Kon Tum với huyện Sơn Tây, Sơn Hà QN	232.000	42.332	18%
8	7919705 - Hệ thống thoát nước via hệ các tuyến đường nội thành , TP Kon Tum	50.000	87	0%
9	7921684 - Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42) huyện Đăk Tô	50.000	3.812	8%
10	7910949 - Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025	13.000		0%
*	<b>ĐẮC NÔNG</b>			

STT	Nội dung	KH vốn đầu tư nguồn NSTW (vốn trong nước) năm 2024	Lũy kế thanh toán đến hết ngày 30/9/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 4/3
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	150.000	22.527	15%
2	Trường Cao đẳng Công nghệ tỉnh Đắk Nông	6.347	-	0%
3	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	3.362	-	0%
4	Hồ Đăk R'tan, xã Đăk R'tih, huyện Tuy Đức	25.000	6.626	27%
5	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	150.000	2.221	1%
6	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jut	11.000	1.315	12%
7	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đăk Song đi xã Thuận Hà và xã Đăk N'drưng	48.482	12.257	25%
8	Đường giao thông từ thị trấn Kiên Đức đi liên xã Kiên Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo	10.999	314	3%
9	Đường từ Quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	45.000	5.042	11%
10	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đăk R'lấp	20.000	5.300	27%
11	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiên Đức qua các xã Kiên Thành - Đăk Wer - Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp	27.000	7.330	27%
12	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	54.000	11.857	22%
13	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	1.800	22	1%
14	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông	3.438	0	0%
15	Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông	3.683	3	0%
*	<b>HẬU GIANG</b>			
1	7903976 - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp tập trung Phú Hữu A giai đoạn 3	20.000	3.304	17%
2	7903978 - Hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh và Khu công nghiệp Sông Hậu	40.000	8.198	20%
*	<b>LAI CHÂU</b>			
1	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21, huyện Tân Uyên	59.783	1.971	3%
2	Nâng cấp đường Mường Kim - Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ xã Mường Kim	12.000	81	1%
3	Nâng cấp đường Mỏ Sĩ San - Sĩ Lờ Lầu, huyện Phong Thổ	6.400	1.042	16%
4	Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn- Mốc 17, huyện Mường Tè	45.615	943	2%
5	Nâng cấp đường Lao Lù Đê - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ	19.200	4.779	25%
6	Nâng cấp tuyến đường từ đồn biên phòng Hua Bum ra khu vực Mốc 52 huyện Nậm Nhùn; Đường ra biên giới đoạn từ bản Tá Pạ khu vực Mốc 34 huyện Mường Tè	30.900	-	0%
7	Hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	60.250	3.754	6%
8	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Than Uyên, tỉnh Lai Châu	27.900	2.409	9%
9	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	20.000	5.823	29%
10	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Nậm Nhùn (GDIII)	34.670	490	1%
11	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	29.800	3.300	11%